

1.2. Người bắt đầu hưởng từ ngày 01/01/2015 đến trước ngày 01/01/2016 và từ ngày 01/01/2016 đến trước ngày 01/5/2016 được điều chỉnh như sau:

a) Điều chỉnh tăng tỷ lệ thêm 8% kể từ ngày bắt đầu hưởng:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{sau điều chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \times 1,08$$

b) Trường hợp sau khi điều chỉnh theo tiết a khoản này mà có mức hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh (từ ngày 01/01/2016 đối với người hưởng trước ngày 01/01/2016, từ ngày bắt đầu hưởng đối với người hưởng từ ngày 01/01/2016 trở đi) với mức điều chỉnh cụ thể như sau:

b1) Đối với người có mức hưởng từ 1.750.000 đồng/tháng trở xuống

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{sau điều chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{sau điều chỉnh của a} \end{array} + 250.000 \text{ đồng/tháng}$$

b2) Đối với người có mức hưởng từ trên 1.750.000 đồng/tháng

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{sau điều chỉnh} \end{array} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng}$$

b3) Đối với giáo viên mầm non có thời gian làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non trước ngày 01/01/1995 sau khi điều chỉnh theo tiểu tiết b1 nêu trên mà lương hưu thấp hơn mức lương cơ sở thì được trợ cấp thêm để lương hưu bằng mức lương cơ sở (mức hưởng từ ngày 01/01/2016 đến trước ngày 01/5/2016 bằng 1.150.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/5/2016 bằng 1.210.000 đồng/tháng).

1.3. Người bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01/5/2016, nếu có mức hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng thì từ ngày bắt đầu hưởng được điều chỉnh như sau:

a) Đối với người có mức hưởng từ 1.750.000 đồng/tháng trở xuống

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{sau điều chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{trước điều chỉnh} \end{array} + 250.000 \text{ đồng/tháng}$$

b) Đối với người có mức hưởng từ trên 1.750.000 đồng/tháng

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương hưu} \\ \text{sau điều chỉnh} \end{array} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng}$$

c) Đối với giáo viên mầm non có thời gian làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non trước ngày 01/01/1995 sau khi điều chỉnh theo tiết a khoản này mà lương hưu thấp hơn 1.210.000 đồng/tháng thì từ ngày bắt đầu hưởng được trợ cấp thêm để lương hưu bằng 1.210.000 đồng/tháng.

2. Đối với cán bộ xã hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ, trợ cấp công nhân cao su hàng tháng

2.1. Người đang hưởng trước ngày 01/01/2015, nếu có mức hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng thì từ ngày 01/01/2016 được điều chỉnh như sau:

a) Đối với người có mức hưởng từ 1.850.000 đồng/tháng trở xuống

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = \text{Mức trợ cấp hàng tháng trước điều chỉnh} + 150.000 \text{ đồng/tháng}$$

b) Đối với người có mức hưởng từ trên 1.850.000 đồng/tháng

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng}$$

2.2. Người bắt đầu hưởng từ ngày 01/01/2015 đến trước ngày 01/01/2016 và từ ngày 01/01/2016 đến trước ngày 01/5/2016 thì được điều chỉnh như sau:

a) Điều chỉnh tăng tỷ lệ thêm 8% kể từ ngày bắt đầu hưởng (đối với cán bộ xã hưởng trợ cấp hàng tháng):

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = \text{Mức trợ cấp hàng tháng hiện hưởng} \times 1,08$$

b) Trường hợp sau khi điều chỉnh theo tiết a khoản này và người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, số 613/QĐ-TTg mà có mức hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng thì được điều chỉnh (từ ngày 01/01/2016 đối với người hưởng trước ngày 01/01/2016, từ ngày bắt đầu hưởng đối với người hưởng từ ngày 01/01/2016 trở đi), cụ thể như sau:

b1) Đối với người có mức hưởng từ 1.850.000 đồng/tháng trở xuống

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = \text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh của tiết a khoản này} + 150.000 \text{ đồng/tháng}$$

b2) Đối với người có mức hưởng từ trên 1.850.000 đồng/tháng

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng}$$

2.3. Cán bộ xã bắt đầu hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/5/2016, nếu có mức hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng thì từ ngày bắt đầu hưởng được điều chỉnh như sau:

a) Đối với người có mức hưởng từ 1.850.000 đồng/tháng trở xuống

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = \text{Mức trợ cấp hàng tháng trước điều chỉnh} + 150.000 \text{ đồng/tháng}$$

b) Đối với người có mức hưởng từ trên 1.850.000 đồng/tháng

$$\text{Mức trợ cấp hàng tháng sau điều chỉnh} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng}$$

3. Điều chỉnh mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ trước ngày 01/5/2016

$$\text{Mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ ngày 01/5/2016} = \text{Mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng của tháng 4/2016} \times 1,0522$$

4. Điều chỉnh trợ cấp tuất hàng tháng đối với những thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng trước ngày 01/5/2016 thì từ ngày 01/5/2016 mức hưởng như sau:

- + Đối với mức hưởng bằng 40% mức lương tối thiểu chung thì mức trợ cấp hàng tháng bằng 484.000 đồng (40% mức lương cơ sở 1.210.000 đồng);
- + Đối với mức hưởng bằng 50% mức lương tối thiểu chung thì mức trợ cấp hàng tháng bằng 605.000 đồng (50% mức lương cơ sở 1.210.000 đồng);
- + Đối với mức hưởng bằng 70% mức lương tối thiểu chung thì mức trợ cấp hàng tháng bằng 847.000 đồng (70% mức lương cơ sở 1.210.000 đồng).

II. Giải quyết hưởng các chế độ BHXH kể từ ngày 01/5/2016 trở đi

1. Chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe thực hiện theo Điểm 1 Công văn số 2917/LĐTBXH-BHXH.

2. Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo Điểm 2 Công văn số 2917/LĐTBXH-BHXH.

3. Chế độ hưu trí thực hiện theo Điểm 3 Công văn số 2917/LĐTBXH-BHXH.

Người có mức lương hưu tại thời điểm bắt đầu hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng được điều chỉnh theo Điểm 1.3, Khoản 1, Mục I nêu trên.

4. Chế độ tử tuất thực hiện theo Điểm 4 Công văn số 2917/LĐTBXH-BHXH.

5. Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn

a) Cán bộ xã, phường, thị trấn đang chờ đủ tuổi hưởng trợ cấp hàng tháng quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ và Khoản 1, Điều 38 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mà hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/5/2016 trở đi thì mức trợ cấp hàng tháng tính tại thời điểm ngày 01/01/2003 và được điều chỉnh như sau:

- Tăng 10% theo Nghị định số 208/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004;
- Tăng 10% theo Nghị định số 117/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005;
- Tăng 20,7% theo Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005;
- Tăng 10% theo Nghị định số 93/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;
- Tăng 28,6% theo Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;
- Tăng 20% theo Nghị định số 184/2007/NĐ-CP ngày 17/12/2007;
- Tăng 15% theo Nghị định số 101/2008/NĐ-CP ngày 12/9/2008;
- Tăng 5% theo Nghị định số 34/2009/NĐ-CP ngày 06/4/2009;
- Tăng 12,3% theo Nghị định số 29/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010;
- Tăng 13,7% theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011;

- Tăng 26,5% theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012;
- Tăng 9,6% theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013;
- Tăng 8% theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015.

Người có mức trợ cấp hàng tháng tại thời điểm bắt đầu hưởng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng được điều chỉnh theo Điều 2.3, Khoản 2, Mục I nêu trên.

b) Người có thời gian tham gia BHXH theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ; cán bộ chuyên trách cấp xã đang tự đóng tiếp BHXH và cán bộ chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ, từ ngày 01/5/2016 hưởng chế độ hưu trí hoặc BHXH một lần thì mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, BHXH một lần của số tháng đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng, số tháng đóng BHXH theo mức sinh hoạt phí quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP được điều chỉnh theo mức tăng tương ứng của mức tiền lương tối thiểu chung trước ngày 01/7/2013, từ ngày 01/7/2013 theo mức tăng của mức lương cơ sở từng thời kỳ.

6. Người đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ và bắt đầu hưởng từ ngày 01/5/2016 trở đi đến khi Chính phủ ban hành quy định mới về điều chỉnh lương hưu và trợ cấp BHXH thì mức trợ cấp hàng tháng bằng 940.412 đồng/tháng (đã bao gồm điều chỉnh tăng thêm theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Nghị định 55/2016/NĐ-CP).

Người đủ điều kiện hưởng trợ cấp trước ngày 01/5/2016 (nếu có) thực hiện theo quy định tại thời điểm hưởng và được điều chỉnh mức hưởng theo quy định của chính sách từng thời kỳ.

III. Tổ chức thực hiện

1. BHXH tỉnh

Căn cứ quy định của chính sách BHXH và hướng dẫn tại văn bản này, tổ chức thực hiện:

a) Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng theo hướng dẫn tại Mục I nêu trên và tổ chức chi trả kịp thời, đầy đủ, đúng quy định đối với đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng do BHXH tỉnh quản lý chi trả (kể cả đối tượng di chuyển đến chưa được điều chỉnh). Đồng thời lập phiếu điều chỉnh hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng đối với từng trường hợp theo quy định và in phiếu điều chỉnh khi di chuyển hoặc khi có yêu cầu; lập báo cáo dự kiến kinh phí tăng thêm do điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng (theo Mẫu 01-NĐ55 đính kèm) gửi Vụ Tài chính - Kế toán trước ngày 01/9/2016 để làm cơ sở cấp kinh phí chi BHXH; lập 02 bản báo cáo về đối tượng và kinh phí (theo Mẫu 02-NĐ55 đính kèm) gửi BHXH

Việt Nam (01 bản gửi Ban Thực hiện chính sách BHXH, 01 bản gửi Vụ Tài chính - Kế toán) trước ngày 05/01/2017.

b) Giải quyết hưởng các chế độ BHXH kể từ ngày 01/5/2016 trở đi nêu tại Mục II văn bản này.

Trường hợp đã được giải quyết hưởng BHXH từ ngày 01/5/2016 nhưng chưa tính theo quy định này thì điều chỉnh lại mức hưởng và chi trả khoản tiền chênh lệch cho người hưởng. Riêng đối với chế độ hưu trí, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tử tuất thì lập thêm Quyết định điều chỉnh theo mẫu số 06A-HSB (ban hành kèm theo Quyết định số 636/QĐ-BHXH ngày 22/4/2016 của BHXH Việt Nam) cho từng người theo từng loại chế độ để giao cho đối tượng và bổ sung vào hồ sơ (đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng thì lập danh sách kèm theo Quyết định điều chỉnh của từng người gửi về Trung tâm Lưu trữ); thực hiện tổng hợp, thống kê theo quy định.

Người hưởng lương hưu (gồm cả trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp khu vực một lần) và người hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng thì BHXH tỉnh nơi quản lý chi trả chế độ thực hiện điều chỉnh mức hưởng (kể cả đối tượng di chuyển đến, đã giải quyết hưởng chế độ BHXH từ ngày 01/5/2016 trở đi nhưng chưa được tính hưởng theo văn bản này); trường hợp hưởng các loại trợ cấp một lần (gồm cả trợ cấp mai táng, trợ cấp chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và trợ cấp khu vực một lần) thì cơ quan BHXH nơi đã giải quyết thực hiện điều chỉnh mức hưởng.

2. BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân

a) Điều chỉnh mức hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người đang hưởng tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong quân đội, công an nhân dân trước ngày 01/5/2016 theo hướng dẫn tại Khoản 3, Mục I nêu trên (lập Quyết định điều chỉnh cho từng người theo từng loại chế độ để giao cho đối tượng và bổ sung vào hồ sơ, lập danh sách kèm theo Quyết định điều chỉnh của từng người gửi về Trung tâm Lưu trữ); thực hiện tổng hợp, thống kê theo quy định.

b) Giải quyết hưởng các chế độ BHXH từ ngày 01/5/2016 trở đi theo hướng dẫn tại Mục II văn bản này.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin, Ban Quản lý dự án phần mềm nghiệp vụ

Có trách nhiệm điều chỉnh các phần mềm quản lý chi trả, phần mềm xét duyệt hưởng các chế độ BHXH, phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ của Ngành BHXH và hướng dẫn BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng để chi trả theo mức hưởng mới từ ngày 01/9/2016, truy lĩnh đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định của chính sách, giải quyết hưởng các chế độ BHXH kể

từ ngày 01/5/2016 trở đi theo đúng quy định của pháp luật về BHXH và hướng dẫn tại văn bản này.

4. Các đơn vị khác thuộc BHXH Việt Nam

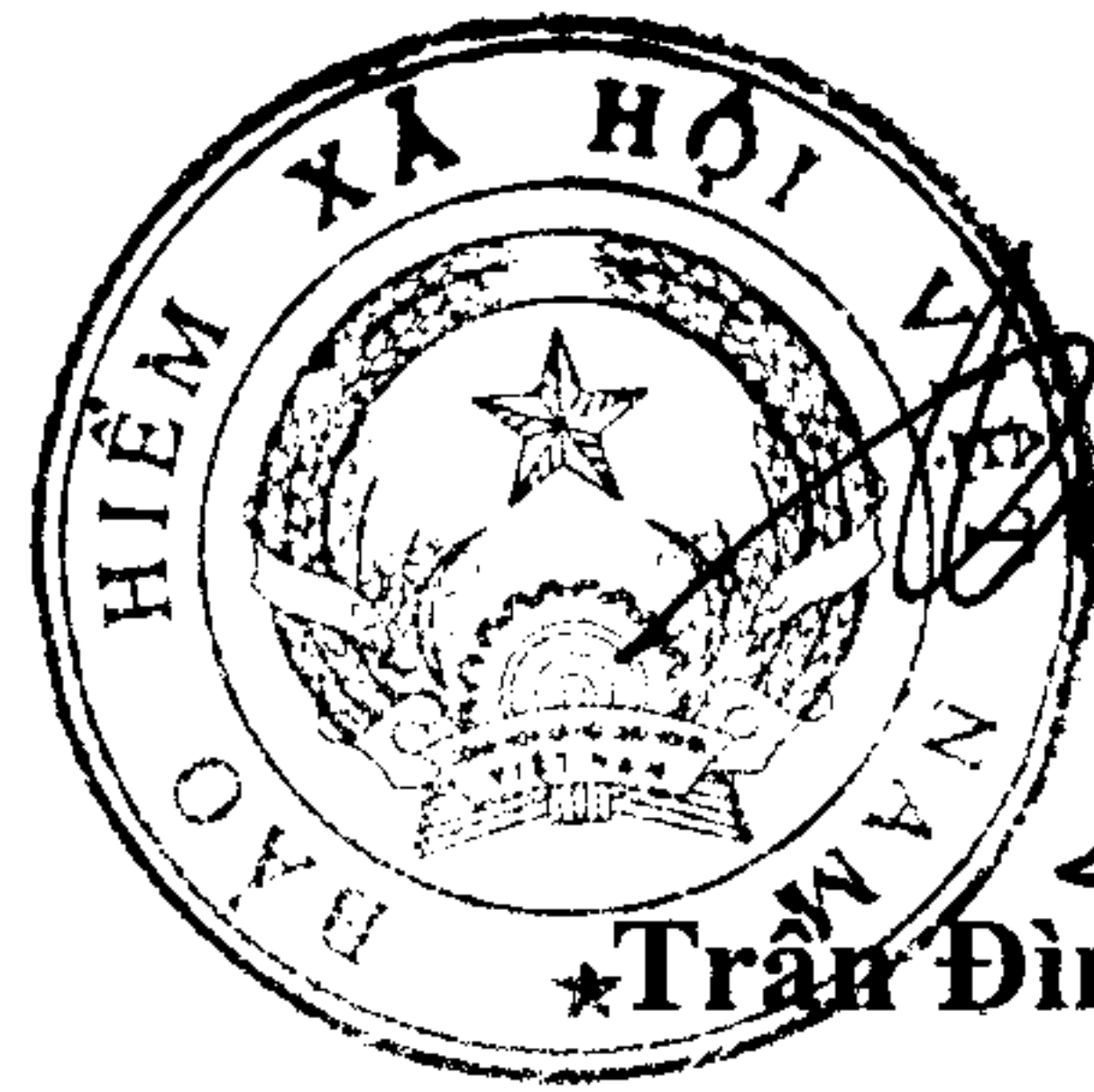
Theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, thực hiện các nội dung liên quan theo quy định và hướng dẫn tại văn bản này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về BHXH Việt Nam để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam;
- Website BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, CSXH (5b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Liệu

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ TĂNG THÊM DO ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2016/NĐ-CP**

(Kèm theo Công văn số 320/BHXH-CSXH ngày 24 tháng 9 năm 2016 của BHXH Việt Nam)

STT	Đối tượng	Số người	Tổng kinh phí chi tăng thêm do điều chỉnh (Triệu đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3
1	Người bắt đầu hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trong thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2016 được điều chỉnh tăng thêm 8%			
-	Hưu từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2016			
-	Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã			
2	Người hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng có mức lương hưu, trợ cấp dưới 2.000.000 đồng/ tháng được điều chỉnh tăng thêm. Cụ thể:			
2.1	Người có mức lương hưu từ 1.750.000 đồng/ tháng trở xuống			
-	Nguồn NSNN đảm bảo			
-	Nguồn Quỹ BHXH đảm bảo			
2.2	Người có mức lương hưu từ 1.750.000 đồng/ tháng đến dưới 2.000.000 đồng/tháng			
-	Nguồn NSNN đảm bảo			
-	Nguồn Quỹ BHXH đảm bảo			
2.3	Người có mức trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hàng tháng từ 1.850.000 đồng/tháng trở xuống			
a	Nguồn NSNN đảm bảo			
-	Trợ cấp đối với công nhân cao su			
-	Trợ cấp mất sức lao động			
-	Trợ cấp theo Quyết định số 91			
-	Trợ cấp theo Quyết định số 613			
b	Nguồn Quỹ BHXH đảm bảo			

STT	Đối tượng	Số người	Tổng kinh phí chi tăng thêm do điều chỉnh (Triệu đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3
-	Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã theo ND số 09/1998/ND-CP			
2.4	Người có mức trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hàng tháng từ trên 1.850.000 đồng/tháng đến dưới 2.000.000 đồng/tháng			
a	Nguồn NSNN đảm bảo			
-	Công nhân cao su			
-	Mất sức lao động			
-	Trợ cấp 91			
-	Trợ cấp 613			
b	Nguồn Quỹ BHXH đảm bảo			
-	Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã theo ND số 09/1998/ND-CP			
3	Giáo viên mầm non có mức lương hưu thấp hơn mức lương cơ sở được điều chỉnh			
	Tổng cộng			

Trưởng phòng Chế độ BHXH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng ... năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH TỈNH, THÀNH PHỐ



Mẫu 02-NĐ55

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH VÀ TỔNG QUỸ TĂNG THÊM THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2016/NĐ-CP ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BHXH VÀ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG**
(Kèm theo Công văn số: 3220/BHXH-CSXH ngày 24 tháng 8 năm 2016 của BHXH Việt Nam)

Đối tượng	Số người (người)	Mức lương hưu, trợ cấp tăng thêm bình quân (đồng/tháng)	Tổng kinh phí chi điều chỉnh (triệu đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<p>1. Người bắt đầu hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trong thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2016 được điều chỉnh tăng thêm 8%. - Hưu từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2016; - Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã</p> <p>2. Người hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng có mức lương hưu, trợ cấp dưới 2.000.000 đồng/tháng được điều chỉnh tăng thêm. Cụ thể: 2.1. Người có mức lương hưu từ 1.750.000 đồng/tháng trở xuống. <i>Trong đó:</i> <i>a) Nguồn Ngân sách Nhà nước:</i> * Hưu trước tháng 01/1995 * Hưu theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP * Hưu theo Nghị định số 11/2011/NĐ-CP * Hưu theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP <i>b) Nguồn Quỹ BHXH:</i> * Hưu từ tháng 01/1995 * Hưu cán bộ xã theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP; * Hưu cán bộ xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP</p>				

<p>2.2. Người có mức lương hưu từ trên 1.750.000 đồng/tháng đến dưới 2.000.000 đồng/tháng.</p> <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>a) Nguồn Ngân sách Nhà nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Hưu trước tháng 01/1995 * Hưu theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP * Hưu theo Nghị định số 11/2011/NĐ-CP * Hưu theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP <p><i>b) Nguồn Quỹ BHXH</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Hưu từ tháng 01/1995 * Hưu cán bộ xã theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP * Hưu cán bộ xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP <p>2.3. Người có mức trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hằng tháng từ 1.850.000 đồng/tháng trở xuống.</p> <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>a) Nguồn Ngân sách Nhà nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Trợ cấp mất sức lao động * Trợ cấp theo Quyết định số 91/QĐ-TTg và QĐ số 613/QĐ-TTg * Trợ cấp đối với công nhân cao su <p><i>b) Nguồn Quỹ BHXH</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP; <p>2.4. Người có mức trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hằng tháng từ trên 1.850.000 đồng/tháng đến dưới 2.000.000 đồng/tháng.</p> <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>a) Nguồn Ngân sách Nhà nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Trợ cấp mất sức lao động 				
---	--	--	--	--

<p>*Trợ cấp theo Quyết định số 91/QĐ-TTg và QĐ số 613/QĐ-TTg</p> <p>* Trợ cấp đối với công nhân cao su</p> <p><i>b) Nguồn Quỹ BHXH</i></p> <p>* Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP;</p> <p>3. Giáo viên mầm non có mức lương hưu thấp hơn mức lương cơ sở được điều chỉnh.</p>				
Tổng cộng				

....., ngày....., tháng....., năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng Chế độ BHXH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Số: 2917 /LĐT BXH-BHXH

V/v tham gia ý kiến dự thảo văn bản
hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm xã
hội kể từ ngày 01/5/2016

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Trả lời văn bản số 2617/BHXH-CSXH ngày 14/7/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề nghị tham gia ý kiến dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/5/2016, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định bắt đầu hưởng chế độ ốm đau hoặc thai sản hoặc dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ ngày 01/5/2016 trở đi thì mức hưởng được tính trên mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

Đối với người lao động đang hưởng chế độ ốm đau hoặc thai sản hoặc dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ trước ngày 01/5/2016 mà từ ngày 01/5/2016 trở đi vẫn đang trong thời hạn hưởng thì vẫn hưởng theo mức đang hưởng trước ngày 01/5/2016.

2. Người lao động bắt đầu hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ ngày 01/5/2016 trở đi thì mức trợ cấp được tính trên mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ trước ngày 01/5/2016 thì mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ ngày 01/5/2016 được điều chỉnh theo mức tăng của tiền lương cơ sở mới từ ngày 01/5/2016 (5,22%).

3. Về việc giải quyết chế độ hưu trí:

a) Đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định mà hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/5/2016 trở đi thì mức hưởng được tính trên mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

b) Đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01/01/2016 trở đi mà hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội để làm căn cứ tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật bảo hiểm xã hội; không điều chỉnh theo mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

c) Người lao động có từ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên (không bao gồm người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn), bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01/5/2016 trở đi, nếu mức lương hưu hàng tháng được tính theo quy định mà thấp hơn 1.210.000 đồng thì được bù cho bằng 1.210.000 đồng; sau đó thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 23/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/7/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Về việc giải quyết chế độ tử tuất:

a) Trợ cấp mai táng phí, trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp khu vực một lần (nếu có) được tính theo mức lương cơ sở tại tháng người lao động chết.

b) Trợ cấp tuất hàng tháng được tính theo mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng trợ cấp. Đối với những thân nhân bắt đầu hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ ngày 01/5/2016 trở đi thì mức trợ cấp tuất hàng tháng được tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

Đối với những thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng trước ngày 01/5/2016 thì mức trợ cấp tuất hàng tháng từ ngày 01/5/2016 trở đi được điều chỉnh theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

c) Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định đang đóng hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội mà chết thì trợ cấp tuất một lần được tính trên mức lương cơ sở tại tháng người lao động chết.

Đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01/01/2016 trở đi và người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng quyết định mà chết thì tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp tuất một lần được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật bảo hiểm xã hội.

5. Khi Chính phủ thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung nêu trên theo mức lương cơ sở mới.

Trên đây là ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, nghiên cứu hoàn thiện văn bản hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, Vụ BHXH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Minh Huân

Phạm Minh Huân